

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 246/2024/HS-ST

Ngày: 26/8/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị T

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình C- Ông Trần Quốc Đ

- Thư ký phiên toà: Ông Cao Khắc T - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh
- tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn S - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 231/2024/HSST ngày 01 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 283/2024/QĐXXST-HS ngày 6/8/2024, đối với các bị cáo:

1.Họ và tên: Nguyễn Tư T; Sinh ngày:10/09/1980, tại huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: ngõ 8, đường Nguyễn Văn Trỗi, khối 12, phường B, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Đoàn thể, đảng phái: Đảng viên Đảng cộng sản (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng); Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Tư T và bà Nguyễn Thị T; Vợ: Đậu Thị T; Có 02 con; Tiền án, tiền sự, nhân thân: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/04/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2.Họ và tên: Nguyễn Tư D; Sinh ngày: 29/9/1985, tại huyện Thanh Chương,tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: xóm 1, xã T, huyện C, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Tư T và bà Nguyễn Thị T; Vợ: Văn Thị M (đã ly hôn); Có 01 con; Tiền sự: Ngày 23/10/2023, bị Chủ tịch UBND huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định số 286/QĐ- XPVPHC ngày 23/10/2023; Tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 17/8/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh xử phạt 6.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” tại Bản án số 346/2012/HSST(đã thi hành xong án phí và tiền phạt ngày 29/11/2012); Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/4/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người bị hại: Anh Trần Đức H. Sinh năm 1985; Địa chỉ: nhà số 03, ngõ 8, đường 2001, khối H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Đậu Thị T. Sinh năm 1980; Địa chỉ: khối 12, phường B, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Bà Lê Như Ý. Sinh năm 1970. Địa chỉ: thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Tư T và vợ là chị Đậu Thị T (sinh năm 1980, trú tại khối 12, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An) là chủ sở hữu xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, màu nâu vàng, mang biển kiểm soát 37K – 11154, đăng ký xe mang tên Nguyễn Tư T. Ngày 20/2/2024, vợ chồng T, Tú đã bán chiếc xe máy cho anh Trần Đức H với giá 225.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, T đã bàn giao xe, giấy tờ xe cho anh H nhưng anh H chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ. Do đang nợ nần nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe đã bán cho anh H để lấy tiền trả nợ. Vào khoảng 19 giờ 55 phút ngày 08/3/2024, T sử dụng điện thoại có số thuê bao 0986.965.680 gọi vào số điện thoại 0987.691.526 cho em trai của T là Nguyễn Tư D rủ D đi trộm chiếc xe trên thì D đồng ý. Do T đã biết từ trước anh H thường đậu chiếc xe nêu trên ở ngõ 64, đường Nguyễn Sỹ Sách, thành phố Vinh nên T nói với D khi nào xuống đến đường Nguyễn Sỹ Sách thì gọi cho T. Đến khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày, D thuê xe ôm của một người đàn ông (Không rõ lai lịch, địa chỉ) đến nơi, D gọi điện và gặp T trước khu vực ngõ 64, đường Nguyễn Sỹ Sách, thành phố Vinh. Tại đây, T đưa cho D một chiếc chìa khóa của chiếc xe ô tô biển số 37K-11154 mà T chuẩn bị sẵn từ trước rồi T chỉ cho D đến vị trí mà anh H đang đậu chiếc xe ô tô 37K-11154. D cầm chìa khóa đi lại gần chiếc ô tô, quan sát thấy không có ai xung quanh, D bấm chìa khóa rồi lên xe, nổ máy điều khiển chiếc ô tô chạy hướng ra đường Lê Nin để tẩu thoát, còn T thuê một người xe ôm (Không rõ lai lịch, địa chỉ) chở về nhà. Sau khi lấy trộm được xe, D điều khiển xe chạy đến Trạm y tế xã Thanh Chi, huyện Thanh Chương để cất giấu (Do trước đây D có quen biết một số nhân viên của Trạm y tế). Khoảng 23 giờ 45 phút ngày 08/3/2024, khi D đến Trạm y tế thì cổng khoá nên D ngủ trên xe. Đến khoảng 06 giờ ngày 09/3/2024, khi thấy cửa Trạm y tế mở, D điều khiển chiếc ô tô vào gara của Trạm y tế rồi lấy bạt có sẵn ở trong cốp xe bọc kín chiếc xe rồi vào phòng trực gõ cửa thì gặp chị Lê Như Ý (sinh năm 1970, trú tại xã T, huyện C, tỉnh Nghệ An - là nhân viên của Trạm y tế). D nói với chị Ý “Chị ơi, chị cho em gửi cái xe với”. Chị Ý hỏi D “Xe mô đó”, thì D trả lời “Xe ô tô anh trai cầm, em đi chuộc về”. Tin tưởng lời nói của D là thật nên chị Ý đồng ý cho D gửi xe. Sau đó, D nói “Em đi ăn sáng một lúc rồi quay lại”. Khi D rời đi, thì chị Ý ra gara để kiểm tra, mở bạt ra thì xác định chiếc xe ô tô D gửi là chiếc xe ô tô Toyota Vios, có biển kiểm soát 37K- 111.54.

Ngày 09/3/2024, khi anh Trần Đức H phát hiện xe đã bị mất trộm. Anh H đã tìm gặp T để hỏi nhưng T không thừa nhận đã trộm cắp chiếc xe ô tô, nên anh H đã

đến Công an phường Hưng Phúc, thành phố Vinh để trình báo sự việc. Ngày 15/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Vinh đã thu giữ chiếc ô tô nêu trên tại Trạm y tế xã Thanh Chi, huyện Thanh Chương.

Đến ngày 25/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Vinh xác định Nguyễn Tư D đang lẩn trốn tại xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh nên triệu tập Nguyễn Tư D đến làm việc. Tại trụ sở Cơ quan điều tra, D đã đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Ngày 26/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Vinh ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Tư T. Tại Cơ quan điều tra, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 132/KL- ĐGTS ngày 04/04/2024 của Hội đồng định giá thuộc UBND thành phố Vinh, kết luận “ 01 (Một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS, màu nâu vàng, số máy 1NZZ393869, số khung RL4BT9F36G4021011, có biển kiểm soát 37K-111.54, năm sản xuất 2016, đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 08/3/2024 trị giá 340.000.000 đồng”.

Về thu giữ và xử lý vật chứng: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS, màu nâu vàng, số máy 1NZZ393869, số khung RL4BT9F36G4021011, có biển kiểm soát 37K-111.54, năm sản xuất 2016, đã qua sử dụng; 01 Chiếc chìa khóa của chiếc xe ô tô TOYOTA VIOS biển kiểm soát 37K-111.54, màu đen; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 37-000511 của chiếc xe ô tô TOYOTA VIOS, biển kiểm soát 37K-111.54 mang tên chủ xe Nguyễn Tư T cấp ngày 11/01/2023; 01 Giấy chứng nhận kiểm định số DB 0897261 của xe ô tô nhãn hiệu xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS, màu nâu vàng, số máy 1NZZ393869, số khung RL4BT9F36G4021011, có biển kiểm soát 37K-111.54 cấp ngày 29/12/2023; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự số AD23/ 0136380 của chủ xe ô tô, tên chủ xe Nguyễn Tư T, có biển kiểm soát 37K-111.54 TOYOTA VIOS, màu nâu vàng, số máy 1NZZ393869, số khung RL4BT9F36G4021011 cấp ngày 30/7/2023; Toàn bộ vật chứng nêu trên, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Trần Đức Hậu.

- 01 Giấy bán xe ô tô TOYOTA VIOS, biển kiểm soát 37K-111.54 kí kết giữa vợ chồng Nguyễn Tư T và anh Trần Đức H vào ngày 20/02/2024 hiện đang lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Đức H là bị hại trong vụ án đã nhận lại được tài sản của mình nên không có yêu cầu gì thêm về dân sự.

Bản cáo trạng số 243/CT-VKS-TPV ngày 31 tháng 7 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An truy tố các bị cáo Nguyễn Tư T, Nguyễn Tư D về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tư T từ 8 năm 6 tháng – 9 năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tư D từ 8 năm 6 tháng – 9 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo

Về dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 580, Điều 584 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Tư T phải bồi thường cho anh Trần Đức H số tiền 7.132.000 đồng (bảy triệu, một trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Tư D phải bồi thường cho anh Trần Đức H số tiền 7.132.000 đồng (bảy triệu, một trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí theo qui định pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã quy kết và không tranh luận gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Vinh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tư T, Nguyễn Tư D khai nhận như sau: Khoảng 21 giờ 40 phút ngày 08/3/2024, tại trước vỉa hè nhà số 10, ngõ 64, đường Nguyễn Sỹ Sách, thuộc khối Hưng Phúc, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, Nguyễn Tư T và Nguyễn Tư D đã có hành vi trộm cắp của anh Trần Đức H chiếc xe ô tô biển số 37K-111.54 có giá trị 340.000.000 đồng.

Như vậy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản đầu thú và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở khẳng định Nguyễn Tư T, Nguyễn Tư D đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[2.2]. Đây là vụ án thuộc loại rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản tổ chức, cá nhân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự trên địa bàn Thành phố Vinh, gây hoang mang bất bình trong quần chúng nhân dân. Tuy nhiên, cần đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo để lên mức án cho phù hợp.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T và bị cáo D là hai anh em nhưng bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê em trai bị cáo D tham gia nên bị cáo chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Bị cáo D có tiền sự về xử phạt hành chính về “tội trộm cắp tài sản”, nhân thân đã bị xét xử. Vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm việc cách lý các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên cũng cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo về thái độ thành khẩn khai báo, bố có công cách mạng được tặng huân chương kháng chiến. Bị cáo D sau khi phạm tội đã đến cơ quan Công an đầu thú được tặng nên cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo như đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ nghiêm.

[2.3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS, thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, nhưng xét thấy bị cáo hiện nay không có công ăn việc làm ổn định nên miễn cho bị cáo.

[2.4]. Về dân sự: Tại phiên tòa người bị hại anh Trần Đức H có xuất trình Bảng quyết toán các chi phí sửa chữa xe ô tô 37K-111.54 trong thời gian bị tạm giữ hư hỏng phần Sơn 8.000.000 đồng và thay thế phụ tùng 6.265.000 đồng. Tổng số tiền 14.265.000 đồng. Xét thấy việc yêu cầu của anh H là phù hợp nên cần chấp nhận và chia đôi kỷ phần cho 2 bị cáo Nguyễn Tư T mỗi bị cáo phải chịu 7.132.000 đồng.

Đối với chị Lê Như Ý là người cho Nguyễn Tư D gửi xe nhưng chị Ý không biết đó là tài sản do D trộm cắp mà có, nên chị Ý không phạm tội.

[2.5]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Tư T 8 (tám) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 26/04/2024.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Tư D 8 (tám) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 25/04/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 580, Điều 584 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Tư T phải bồi thường cho anh Trần Đức H số tiền 7.132.000 đồng (bảy triệu, một trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Tư D phải bồi thường cho anh Trần Đức H số tiền 7.132.000 đồng (bảy triệu, một trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Về án phí: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Tư T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Tư D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án theo quy định của pháp luật/.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An
- Trại tạm giam CA tỉnh Nghệ An
- VKSND thành phố Vinh
- Chi cục THADS thành phố Vinh
- Công an thành phố Vinh
- Bị cáo
- Lưu HS

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị T

